

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2017/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề,
làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số:

ĐẾN Ngày: 10/01/2018

Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/ 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

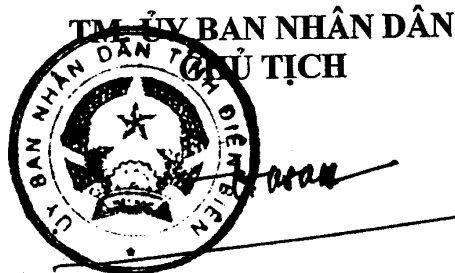
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 7 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên phủ;
- Lưu: VT, VX, KTN *cul*



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

**Công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề,
làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38 /2017/QĐ-UBND
ngày 29 /12 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn nông thôn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm:

- a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- c) Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

2. Các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn thuộc nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Áp dụng quy định tại Điều 3 Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn cụ thể:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
5. Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.
7. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

Điều 4. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương (thôn, bản, làng) sau. (không trùng

với tên gọi của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận trên cùng địa bàn (thôn, bản, làng).

Điều 5. Nguyên tắc việc xét công nhận

1. Việc đánh giá, xét công nhận, công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

Chương II

CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 6. Thẩm quyền xét công nhận và thu hồi giấy công nhận

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

2. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, sau 5 năm liên không đạt theo tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi Bằng công nhận.

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo theo tiêu chí quy định. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, thẩm tra và thu hồi Bằng công nhận.

Điều 7. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống:

Phải đạt 03 (ba) tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Mục I Phần II Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc;

c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

2. Tiêu chí công nhận làng nghề:

Phải đạt 03 (ba) tiêu chí theo quy định tại Khoản 2 Mục I Phần II Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

a) Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn;

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

c) Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống:

- Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống được quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

- Đối với những làng chưa đạt tiêu chí tại Điểm a, b Khoản 2 Điều này, nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống.

Điều 8. Trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Trình tự thủ tục, hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại Mục II Phần II Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 9. Hội đồng xét duyệt, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh, đồng thời là cơ quan Thường trực của Hội đồng; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, chọn những làng nghề có đủ tiêu chuẩn theo Điều 5, Điều 7 của Quy định này tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Thành phần Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh bao gồm:

a) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng.

b) Giám đốc (Phó Giám đốc) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Lãnh đạo các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội: Ủy viên.

d) Trưởng hoặc Phó Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh: Ủy viên.

đ) Đại diện Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ (nếu có) và một số tổ chức, cá nhân khác (nếu có): Ủy viên.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức họp thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

4. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền). Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp.

Kỳ họp đánh giá xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự.

Hội đồng xét công nhận thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 75% số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

Hội đồng xét duyệt chỉ xem xét các trường hợp đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị; không xem xét các trường hợp khai không đúng mẫu, không đúng yêu cầu hướng dẫn hoặc gửi không đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định, không đúng thời hạn.

Hội đồng xét công nhận: nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, thực hiện vào tháng 9 hàng năm.

Chương III

QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 10. Quyền lợi

1. Vận dụng Nghị định số 91/2017 ND-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Mỗi nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận và kèm theo mức tiền thưởng, cụ thể:

- a) Đối với cá nhân: Được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;
- b) Đối với tập thể: Được thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 73 Nghị định số 91/2017 ND-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Được bổ sung hằng năm vào danh sách các làng nghề của tỉnh để lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề, phát triển làng nghề theo các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước.

3. Được ưu tiên sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cho hoạt động bảo vệ môi trường tại làng nghề; được Nhà nước hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển khác.

4. Được hưởng chế độ ưu đãi về khuyến công, phát triển ngành nghề, làng nghề của tỉnh, các chính sách hiện hành của Nhà nước.

5. Được thành lập Hội làng nghề, làng nghề truyền thống và tổ chức đại diện bảo vệ và hỗ trợ phát triển theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 11. Nghĩa vụ

1. Phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gắn với xây dựng nông thôn mới và các phong trào xã hội khác. Huy động, khuyến khích, tạo điều kiện để các nghệ nhân, thợ giỏi truyền nghề, dạy nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

2. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các làng nghề, làng nghề truyền thống phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và tuân thủ các quy định của pháp luật về các vấn đề có liên quan khác: an ninh, trật tự an toàn xã hội, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 12. Nội dung quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch; đề án, chương trình và dự án về ngành nghề nông thôn.

2. Ban hành các chủ trương, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn; tổ chức triển khai, tuyên truyền, vận động, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Thực hiện vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, định hướng phát triển và quản lý tình hình hoạt động ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Thu thập thông tin, thống kê, báo cáo số liệu, tình hình ngành nghề nông thôn theo định kỳ và đột xuất; tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở ngành nghề nông thôn theo chức năng được quy định.

5. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về ngành nghề nông thôn cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn của tỉnh.

6. Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn trong quá trình sản xuất hoạt động về: thị trường, vốn, thuế, đất đai, khoa học kỹ thuật, lao động, môi trường.

7. Tổ chức công nhận, đăng ký và giám sát chất lượng sản phẩm ngành nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Xúc tiến thương mại, tổ chức tuyên truyền, quảng bá thương hiệu các sản phẩm ngành nghề nông thôn của tỉnh. Tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, hội thi các sản phẩm thuộc ngành nghề nông thôn theo kế hoạch hàng năm, khi được UBND tỉnh phê duyệt.

9. Ngoài ra còn thực hiện một số nội dung khác theo sự phân công và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) là cơ quan chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nông thôn trên địa bàn nông thôn tỉnh Điện Biên, có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; căn cứ khung chính sách của nhà nước, nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách theo từng đối tượng ngành nghề cụ thể để khuyến khích phát triển, khôi phục ngành nghề nông thôn phù hợp tình hình thực tế.

b) Hướng dẫn các cơ sở sản xuất làng nghề thực hiện các chính sách của nhà nước về khuyến khích phát triển làng nghề: Bảo tồn và phát triển làng nghề, mặt bằng sản xuất, đầu tư tín dụng, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại, tổ chức các hội chợ triển lãm theo kế hoạch khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các chính sách có liên quan theo quy định của Nhà nước.

c) Làm đầu mối các quan hệ hợp tác phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp với các cơ sở ngành nghề; thực hiện có hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, phát triển các loại dịch vụ phục vụ sản xuất.

d) Tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện thủ tục thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đánh giá, thẩm tra tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

đ) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận.

e) Xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phong tặng nghệ nhân trong các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

f) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Triển khai thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ được giao và phối hợp tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

g) Theo dõi tình hình thực hiện nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đánh giá thẩm tra các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận hàng năm, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giấy công nhận; tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, đột xuất gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm

a) Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển ngành nghề nông thôn, nông thôn mới bảo đảm các quy định đáp ứng việc di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề; quản lý các khu, cụm công nghiệp làng nghề.

b) Triển khai có hiệu quả Chương trình khuyến công và hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường liên kết, nghiên cứu, đẩy mạnh các giải pháp tích cực áp dụng kỹ thuật, sử dụng lao động có tay nghề nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

c) Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề trên địa bàn tỉnh xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Tổ chức thống kê, phân loại và đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường của các làng nghề để có cơ sở công nhận làng nghề hoặc loại bỏ ra khỏi quy hoạch, danh mục làng nghề đã được công nhận.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, xác định ô nhiễm và đề xuất phương án xử lý, tăng cường pháp chế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại làng nghề đúng theo quy định tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Bố trí quỹ đất cho phát triển ngành nghề nông thôn trong kỳ quy hoạch sử dụng đất; hướng dẫn thực hiện các chủ chương, chính sách của tỉnh và Trung ương liên quan đến đất đai. hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật đất đai.

c) Lựa chọn mặt bằng để hỗ trợ cho các cơ sở, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất trên cơ sở theo đúng quy định; hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh và Trung ương liên quan đến đất đai. Hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục việc hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ thân thiện với môi trường để phát triển.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn cấp xã trong quá trình rà soát điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch các làng nghề, nhằm huy động các nguồn lực để phát triển các làng nghề.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thực hiện các dự án bảo tồn làng nghề truyền thống; chỉ đạo phát triển các tour, tuyến du lịch gắn với phát triển làng nghề; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức du lịch cộng đồng, kỹ năng giao tiếp cho các thành viên làng nghề để phục vụ khách du lịch tham quan, mua sắm; chỉ đạo vận động các cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh nhận trưng bày, ký gửi tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chú ý đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề thợ thủ công và truyền nghề cho lao động nông thôn tại các làng nghề.

Hướng dẫn thực hiện các văn bản có liên quan đến lao động, việc làm hướng dẫn, tổ chức thực hiện an toàn lao động trong các cơ sở ngành nghề nông thôn; tổ chức đào tạo, tập huấn và cấp giấy chứng nhận công nhận về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho các cơ sở ngành nghề.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tăng cường các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, gắn kết với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhằm tăng nguồn kinh phí hàng năm để đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, ưu tiên giao thông nông thôn,... tạo điều kiện để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

Thẩm định cấp chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án phát triển ngành nghề theo đúng quy định hiện hành; tăng cường công tác thanh, kiểm tra, cấp phép, thu hồi khi thực hiện sai quy định đối với các dự án đầu tư, hướng dẫn hỗ trợ thông tin về đầu tư trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Tài chính trên cơ sở dự toán thực hiện chính sách, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo và căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn hàng năm, để thực hiện việc xét công nhận danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

10. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ): Chủ trì Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và hướng dẫn việc sử dụng tiền thưởng theo Khoản 1, Điều 10, Quyết định này.

11. Công an tỉnh có trách nhiệm tăng cường điều tra, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm về tình hình an ninh trật tự, ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Các sở, ngành khác có liên quan

Phối hợp với đơn vị liên quan trong công tác quản lý giám sát, định hướng phát triển và tăng cường hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình cho lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

13. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển làng nghề đã được ban hành, triển khai quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề, dự án bảo vệ môi trường làng nghề; ưu tiên bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề ở nông thôn, trước mắt tập trung nguồn lực xử lý vấn đề ô nhiễm làng nghề.

b) Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền phát triển ngành nghề nông thôn, nhất là việc thực hiện bảo vệ môi trường, tác hại của ô nhiễm môi trường với sức khỏe con người tới các đối tượng sản xuất kinh doanh tại làng nghề; Tuyên truyền giáo dục ý thức cộng đồng trong việc phát triển kinh tế làng nghề gắn với du lịch, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

c) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới, chú ý bảo vệ môi trường.

d) Chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới gắn với quy hoạch các làng nghề, nhằm huy động các nguồn lực để phát triển các làng nghề, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề, quan tâm đến việc thu gom, phân loại chất thải rắn.

e) Tổ chức tự đánh giá, thẩm tra, hoàn thiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có trên địa bàn; hướng dẫn cấp xã việc thực hiện tự đánh giá tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và hoàn thành thủ tục, hồ sơ xét công nhận.

f) Theo dõi tình hình thực hiện nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, đột xuất khi có yêu cầu.

g) Thống nhất giao nhiệm vụ chủ trì quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành nghề nông thôn, ở Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện, phòng Kinh tế của thị xã, thành phố.

h) Triển khai thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ được giao và phối hợp tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

14. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tập hợp danh sách các đơn vị, tổ chức có đơn đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn).

b) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

c) Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định; hướng dẫn các làng nghề, làng nghề truyền thống chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

d) Tổ chức xét khen thưởng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

f) Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Xử lý vi phạm quy định về nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống theo quy định của pháp luật.

g) Triển khai thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ được giao và phối hợp tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

Điều 14. Khen thưởng

1. Thủ trưởng các sở, ngành và các địa phương căn cứ vào thành tích trong quản lý, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, lựa chọn tập thể cá nhân có thành tích tiêu biểu trong công tác quản lý ngành nghề nông thôn để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Những nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận có nhiều thành tích trong việc phát triển nghề, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung của làng nghề, nâng cao đời sống nhân dân được UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí in ấn, Bảng công nhận, làm khung, tiền khen thưởng cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được sử dụng từ quỹ khen thưởng của tỉnh.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh (chỉ cho thành viên Hội đồng, nước uống, photo hồ sơ, văn phòng phẩm, chi phí thẩm tra, kiểm tra các làng nghề đề nghị công nhận) được sử dụng từ kinh phí hành chính sự nghiệp theo dự toán được giao hằng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được chi theo chế độ công tác phí, chế độ cho tổ chức hội nghị theo quy định hiện hành của tỉnh.

3. Các nội dung chi khác được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này: báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy định này theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

